

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động**

Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2018.

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật an toàn, vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội,*

*Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.<sup>1</sup>*

---

<sup>1</sup> Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Bộ luật lao động ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật phòng, chống ma túy năm 2000; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy 2008;

Căn cứ Luật người cao tuổi ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật người khuyết tật ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật an toàn, vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Pháp lệnh phòng, chống mại dâm ngày 14 tháng 3 năm 2003;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.”

2. Các thiết bị, nhân lực nêu tại các điểm a, b và c Khoản 1 Điều này chỉ được sử dụng để làm điều kiện đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với một tổ chức.

**Điều 5. Hồ sơ, thủ tục cấp, gia hạn, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động**

1.<sup>3</sup> Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động bao gồm:

- a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận;
- b) Bản sao quyết định thành lập đối với đơn vị sự nghiệp;
- c) Danh mục thiết bị, dụng cụ phục vụ kiểm định;
- d) Danh sách kiểm định viên theo mẫu tại Phụ lục Ia ban hành kèm theo Nghị định này;

đ) Một trong các tài liệu sau để chứng minh kinh nghiệm của người phụ trách kỹ thuật hoạt động kiểm định:

- Bản sao sổ hoặc tờ rời về tham gia bảo hiểm xã hội;
- Bản sao hợp đồng lao động;
- Bản sao biên bản kiểm định kèm theo giấy chứng nhận kết quả kiểm định.

2. Hồ sơ gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động bao gồm:

- a) Đơn đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận;
- b) Giấy chứng nhận đã được cấp;
- c)<sup>4</sup> Tài liệu quy định tại các điểm b, c, d và đ Khoản 1 Điều này trong trường hợp có sự thay đổi.

3. Hồ sơ cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động được quy định như sau:

- a) Đối với trường hợp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận, hồ sơ bao gồm:
  - Đơn đề nghị bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận;
  - Giấy chứng nhận đã được cấp;
  - Tài liệu chứng minh thay đổi về điều kiện cấp Giấy chứng nhận.
- b) Đối với Giấy chứng nhận bị mất, hỏng, hồ sơ bao gồm:
  - Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận;
  - Giấy chứng nhận đã được cấp trong trường hợp bị hỏng.

---

<sup>3</sup> Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 140/2018/NĐ-CP Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2018.

<sup>4</sup> Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2018.

d) Giả mạo hoặc khai man các tài liệu trong hồ sơ cấp, gia hạn, cấp lại Giấy chứng nhận;

e) Bị giải thể, phá sản.

2. Tổ chức bị thu hồi giấy chứng nhận theo quy định tại các điểm a, b, c, d và đ Khoản 1 Điều này được xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định sau 6 tháng, kể từ ngày Quyết định thu hồi giấy chứng nhận có hiệu lực.

### **Điều 9. Tiêu chuẩn kiểm định viên**

1. Có trình độ đại học trở lên, thuộc chuyên ngành kỹ thuật phù hợp với đối tượng kiểm định;

2.<sup>6</sup> (được bãi bỏ)

3. Có ít nhất 02 năm làm kỹ thuật kiểm định hoặc làm công việc thiết kế, sản xuất, lắp đặt, sửa chữa, vận hành, bảo trì về đối tượng kiểm định;

4. Đã hoàn thành khóa huấn luyện và sát hạch đạt yêu cầu về nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động với đối tượng kiểm định hoặc có thời gian thực hiện kiểm định đối tượng kiểm định trên 10 năm tính đến thời điểm Nghị định này có hiệu lực.

### **Điều 10. Chứng chỉ kiểm định viên**

1. Chứng chỉ kiểm định viên được cấp cho cá nhân bảo đảm tiêu chuẩn của kiểm định viên theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.

2. Chứng chỉ kiểm định viên được cơ quan có thẩm quyền cấp lại trong trường hợp sau đây:

a) Bổ sung, sửa đổi nội dung chứng chỉ kiểm định viên;

b) Chứng chỉ kiểm định viên hết hạn;

c) Chứng chỉ kiểm định viên bị mất hoặc hỏng;

d) Cấp lại sau khi chứng chỉ kiểm định viên bị thu hồi. Chứng chỉ kiểm định viên chỉ được xem xét cấp lại sau thời hạn ít nhất 06 tháng, kể từ ngày bị thu hồi.

3. Cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ kiểm định viên là cơ quan chuyên môn thuộc các bộ có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định quy định tại Phụ lục Ib ban hành kèm theo Nghị định này; việc cấp chứng chỉ kiểm định viên được thực hiện theo đối tượng kiểm định thuộc phạm vi quản lý của từng bộ.

### **Điều 11. Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ kiểm định viên**

1. Đơn đề nghị cấp chứng chỉ kiểm định viên;

2. Bản sao văn bằng tốt nghiệp đại học của người đề nghị cấp chứng chỉ có chứng thực hoặc xuất trình bản chính để đối chiếu;

3. Tài liệu chứng minh tiêu chuẩn quy định tại Khoản 3 và 4 Điều 9 Nghị định này;

4.<sup>7</sup> (được bãi bỏ)

---

<sup>6</sup> Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2018.

5. Mẫu các thành phần hồ sơ tại Điều 11, các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này được quy định tại Phụ lục Ic ban hành kèm theo Nghị định này.

### **Điều 13. Trình tự cấp, cấp lại và thời hạn của chứng chỉ kiểm định viên**

1. Cá nhân có nhu cầu cấp, cấp lại chứng chỉ kiểm định viên lập 01 bộ hồ sơ, gửi cơ quan có thẩm quyền quy định tại Khoản 3 Điều 10 Nghị định này để đề nghị cấp, cấp lại chứng chỉ kiểm định viên. Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ kiểm định viên có thể gửi cùng với hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm cấp chứng chỉ cho kiểm định viên; trường hợp không cấp, cấp lại thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Mẫu chứng chỉ kiểm định viên được quy định tại Phụ lục Ic ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Chứng chỉ kiểm định viên có thời hạn là 05 năm.

### **Điều 14. Quản lý, sử dụng chứng chỉ kiểm định viên**

1. Kiểm định viên có trách nhiệm xuất trình chứng chỉ kiểm định viên theo yêu cầu của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và với tổ chức, cá nhân có đối tượng đề nghị được kiểm định; chỉ được kiểm định đối với đối tượng kiểm định trong phạm vi ghi trên chứng chỉ kiểm định viên.

2. Chứng chỉ kiểm định viên bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

a) Giả mạo hoặc khai man các tài liệu trong hồ sơ cấp, cấp lại chứng chỉ kiểm định viên;

b) Tự ý tẩy xóa, sửa chữa nội dung chứng chỉ;

c) Không làm việc tại bất kỳ tổ chức kiểm định nào từ 12 tháng trở lên;

d) Kiểm định ngoài phạm vi ghi trên chứng chỉ kiểm định viên;

đ) Thực hiện kiểm định không đúng quy trình kiểm định.

3. Cơ quan có thẩm quyền cấp là cơ quan có thẩm quyền ra quyết định thu hồi chứng chỉ kiểm định viên.

### **Điều 15. Trách nhiệm của Tổ chức kiểm định kỹ thuật an toàn lao động**

1. Công bố biên bản kiểm định với tổ chức, cá nhân sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động. Dán tem kiểm định hoặc thể hiện thông tin kiểm định lên đối tượng kiểm định và cấp cho tổ chức, cá nhân sử dụng đối tượng kiểm định Giấy chứng nhận kết quả kiểm định (01 bản) chậm nhất sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày công bố biên bản nếu kết quả kiểm định đạt yêu cầu.

2. Trong trường hợp đối tượng kiểm định không đạt yêu cầu và phát hiện đối tượng có nguy cơ dẫn đến sự cố, tai nạn lao động thì không cấp Giấy chứng nhận kết quả kiểm định và thông báo cho cơ sở biết để có biện pháp khắc phục.

### **Chương III**

## **HOẠT ĐỘNG HUẤN LUYỆN AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG**

### **Mục 1. ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG VÀ YÊU CẦU CHUNG TRONG HOẠT ĐỘNG HUẤN LUYỆN**

#### **Điều 17. Đối tượng tham dự khóa huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động<sup>12</sup>**

1. Nhóm 1: Người đứng đầu đơn vị, cơ sở sản xuất, kinh doanh và phòng, ban, chi nhánh trực thuộc; phụ trách bộ phận sản xuất, kinh doanh, kỹ thuật; quản đốc phân xưởng hoặc tương đương; cấp phó của người đứng đầu theo quy định tại Khoản này được giao nhiệm vụ phụ trách công tác an toàn, vệ sinh lao động.

2. Nhóm 2: Người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động bao gồm: Chuyên trách, bán chuyên trách về an toàn, vệ sinh lao động của cơ sở; người trực tiếp giám sát về an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc.

3. Nhóm 3: Người lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động là người làm công việc thuộc Danh mục công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

4. Nhóm 4: Người lao động không thuộc các nhóm 1, 3, 5, 6 quy định tại khoản này, bao gồm cả người học nghề, tập nghề, thử việc để làm việc cho người sử dụng lao động.

5. Nhóm 5: Người làm công tác y tế.

6. Nhóm 6: An toàn, vệ sinh viên theo quy định tại Điều 74 Luật an toàn, vệ sinh lao động.

#### **Điều 18. Nội dung huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động**

##### **1. Huấn luyện nhóm 1**

a) Hệ thống chính sách, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động;

b) Nghiệp vụ công tác an toàn, vệ sinh lao động bao gồm: Tổ chức bộ máy, quản lý và thực hiện quy định về an toàn, vệ sinh lao động ở cơ sở; phân định trách nhiệm và giao quyền hạn về công tác an toàn, vệ sinh lao động; kiến thức cơ bản về yếu tố nguy hiểm, có hại, biện pháp phòng ngừa, cải thiện điều kiện lao động; văn hóa an toàn trong sản xuất, kinh doanh.

##### **2. Huấn luyện nhóm 2**

a) Hệ thống chính sách, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động;

b) Nghiệp vụ công tác an toàn, vệ sinh lao động: Tổ chức bộ máy, quản lý và thực hiện quy định về an toàn, vệ sinh lao động ở cơ sở; xây dựng nội quy, quy chế, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động; phân định trách nhiệm và giao quyền hạn về công tác an toàn, vệ sinh lao động; văn hóa an toàn trong sản xuất, kinh doanh; kiến thức cơ bản về yếu tố nguy hiểm, có hại, biện pháp phòng ngừa, cải thiện điều kiện lao động; xây dựng, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm; phân tích, đánh giá rủi ro và xây dựng kế hoạch ứng cứu khẩn cấp; xây dựng hệ thống

---

<sup>12</sup> Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2018

c)<sup>13</sup>

#### 6. Huấn luyện nhóm 6:

Người lao động tham gia mạng lưới an toàn, vệ sinh viên ngoài nội dung huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động theo quy định còn được huấn luyện bổ sung về kỹ năng và phương pháp hoạt động của an toàn, vệ sinh viên.

#### **Điều 19. Thời gian huấn luyện**

Thời gian huấn luyện lần đầu tối thiểu được quy định như sau:

1. Nhóm 1, nhóm 4: Tổng thời gian huấn luyện ít nhất là 16 giờ, bao gồm cả thời gian kiểm tra.
2. Nhóm 2: Tổng thời gian huấn luyện ít nhất là 48 giờ, bao gồm cả thời gian huấn luyện lý thuyết, thực hành và kiểm tra.
3. Nhóm 3: Tổng thời gian huấn luyện ít nhất là 24 giờ, bao gồm cả thời gian kiểm tra.
- 4.<sup>14</sup> Nhóm 5: Tổng thời gian huấn luyện ít nhất là 16 giờ, bao gồm cả thời gian kiểm tra.
5. Nhóm 6: Tổng thời gian huấn luyện ít nhất là 4 giờ ngoài nội dung đã được huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động.

#### **Điều 20. Chương trình khung và chương trình, tài liệu huấn luyện**

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các bộ, ngành liên quan ban hành Chương trình khung chi tiết huấn luyện chuyên ngành, đặc thù theo Chương trình khung huấn luyện quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này.
2. Tổ chức huấn luyện, doanh nghiệp tự huấn luyện căn cứ chương trình khung huấn luyện, xây dựng chương trình, tài liệu huấn luyện phù hợp với đặc điểm, điều kiện và yêu cầu thực tế huấn luyện.

#### **Điều 21. Huấn luyện, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng về an toàn, vệ sinh lao động và huấn luyện định kỳ**

1. Huấn luyện cập nhật kiến thức, kỹ năng về an toàn, vệ sinh lao động theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 Luật an toàn, vệ sinh lao động

Ít nhất 02 năm một lần, kể từ ngày Giấy chứng nhận huấn luyện, Thẻ an toàn có hiệu lực, người được huấn luyện phải tham dự khóa huấn luyện để ôn lại kiến thức đã được huấn luyện và cập nhật mới kiến thức, kỹ năng về an toàn, vệ sinh lao động. Thời gian huấn luyện ít nhất bằng 50% thời gian huấn luyện lần đầu. Người làm công tác y tế thực hiện việc cập nhật kiến thức theo quy định tại điểm c Khoản 3 Điều 73 Luật an toàn, vệ sinh lao động.

---

<sup>13</sup> Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Nghị định số 140/2018/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2018

<sup>14</sup> Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2018.

b) Người có trình độ cao đẳng có chuyên môn phù hợp với chuyên ngành huấn luyện và có ít nhất 04 năm làm công việc xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động.

#### 4. Huấn luyện thực hành:

a) Huấn luyện thực hành nhóm 2: Người có trình độ từ cao đẳng trở lên, phù hợp với chuyên ngành huấn luyện, thông thạo công việc thực hành đối với máy, thiết bị, hóa chất, công việc được áp dụng thực hành theo chương trình khung huấn luyện;

b) Huấn luyện thực hành nhóm 3: Người có trình độ từ trung cấp trở lên phù hợp với chuyên ngành huấn luyện; có ít nhất 03 năm làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động, hoặc làm công việc có liên quan đến công tác an toàn, vệ sinh lao động ở cơ sở phù hợp với công việc huấn luyện;

c) Huấn luyện thực hành nhóm 4: Người có trình độ trung cấp kỹ thuật trở lên, phù hợp với chuyên ngành huấn luyện hoặc người có thời gian làm việc thực tế ít nhất 03 năm trong chuyên ngành huấn luyện;

d) Huấn luyện thực hành sơ cứu, cấp cứu tai nạn lao động: Người có trình độ từ cao đẳng chuyên ngành y trở lên và có ít nhất 3 năm kinh nghiệm trực tiếp tham gia công tác sơ cứu, cấp cứu hoặc có trình độ bác sĩ;

đ) Người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động tại doanh nghiệp không thuộc điểm a, b, c Khoản này nhưng có ít nhất 04 năm làm công việc an toàn, vệ sinh lao động thì được huấn luyện thực hành theo quy định tại các điểm a, b, c Khoản này phù hợp với kinh nghiệm.

5. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết chương trình khung huấn luyện cho người huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động, việc miễn giảm các nội dung huấn luyện đã học, việc tổ chức sát hạch và cấp giấy chứng nhận.

6. Định kỳ 5 năm, người huấn luyện phải tham dự khóa tập huấn cập nhật kiến thức, thông tin, chính sách, pháp luật, khoa học, công nghệ về an toàn, vệ sinh lao động, trừ người huấn luyện thuộc điểm a Khoản 1 Điều này, người huấn luyện sơ cấp cứu.

7. Tổ chức thực hiện khóa huấn luyện người huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động ghi sổ theo dõi và báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết quả khóa huấn luyện người huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động.

### **Điều 23. Xác định thời gian đã làm việc hoặc thời gian đã làm công việc huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động**

1. Cơ quan, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp, tổ chức khác có trách nhiệm xác nhận thời gian người lao động đã làm việc hoặc đã làm công việc huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động tại đơn vị mình.

2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết Khoản 1 Điều này.

### **Mục 3. GIẤY CHỨNG NHẬN HUẤN LUYỆN, THẺ AN TOÀN<sup>16</sup>**

#### **Điều 24. Quản lý việc cấp Giấy chứng nhận huấn luyện, thẻ an toàn<sup>17</sup>**

<sup>16</sup> Mục này được sửa đổi theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2018.

doanh nghiệp tự huấn luyện theo quy định tại Điều 26 và Điều 29 Nghị định này. Nếu kết quả huấn luyện đạt yêu cầu thì được cấp Giấy chứng nhận huấn luyện, Thẻ an toàn mới theo quy định tại Nghị định này.

#### **Mục 4. TỔ CHỨC HUẤN LUYỆN, DOANH NGHIỆP TỰ HUẤN LUYỆN AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG**

**Điều 26. Phân loại tổ chức huấn luyện, điều kiện hoạt động và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động<sup>23</sup>**

1. Tổ chức huấn luyện được phân loại theo đặc điểm, tính chất phức tạp của đối tượng huấn luyện như sau:

- a) Hạng A huấn luyện nhóm 4 và 6;
- b) Hạng B huấn luyện nhóm 1, 4, 5 và 6;
- c) Hạng C huấn luyện nhóm 1, 2, 3, 4, 5 và 6.

2. Điều kiện tổ chức huấn luyện hạng A như sau:

a) Có hoặc hợp đồng thuê, liên kết để có ít nhất 01 phòng học có diện tích ít nhất từ 30 m<sup>2</sup> trở lên;

b) Có ít nhất 02 người huấn luyện cơ hữu huấn luyện nội dung pháp luật, nội dung nghiệp vụ và 01 người huấn luyện sơ cứu, cấp cứu tai nạn lao động;

c) Có tài liệu huấn luyện phù hợp với đối tượng huấn luyện và được xây dựng theo chương trình khung huấn luyện quy định tại Nghị định này;

d) Máy, thiết bị, nhà xưởng, nơi huấn luyện đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 16 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

3. Điều kiện tổ chức huấn luyện hạng B như sau:

a) Có hoặc hợp đồng thuê, liên kết để có ít nhất 01 phòng học có diện tích ít nhất từ 30 m<sup>2</sup> trở lên;

b) Có hoặc hợp đồng thuê, liên kết để có máy, thiết bị, hóa chất, xưởng, khu thực hành bảo đảm yêu cầu về an toàn, vệ sinh lao động phù hợp với chuyên ngành đăng ký huấn luyện;

c) Có ít nhất 04 người huấn luyện cơ hữu huấn luyện nội dung pháp luật nội dung nghiệp vụ, trong đó có 01 người huấn luyện nội dung chuyên ngành, thực hành phù hợp với chuyên ngành đăng ký huấn luyện, 01 người huấn luyện sơ cứu, cấp cứu tai nạn lao động;

d) Có tài liệu huấn luyện phù hợp với đối tượng huấn luyện và được xây dựng theo chương trình khung huấn luyện quy định tại Nghị định này.

4. Điều kiện tổ chức huấn luyện hạng C như sau:

a) Có hoặc hợp đồng thuê, liên kết để có ít nhất 01 phòng học có diện tích ít nhất từ 30 m<sup>2</sup> trở lên;

---

<sup>23</sup> Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2018.



a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động theo Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản thuyết minh về quy mô huấn luyện và các điều kiện, giải pháp thực hiện theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Tài liệu huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động (chỉ liệt kê danh mục theo Mẫu 02 Phụ lục II Nghị định này; xuất trình khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền thẩm định).

2. Hồ sơ gia hạn, cấp lại, cấp bổ sung, cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động bao gồm:

a) Trường hợp giấy chứng nhận hết hạn, tổ chức huấn luyện có văn bản đề nghị gia hạn giấy chứng nhận; nếu có thay đổi thông tin so với hồ sơ đã được cấp giấy chứng nhận thì cập nhật thông tin bổ sung theo mẫu hồ sơ cấp mới giấy chứng nhận đủ điều kiện huấn luyện quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Trường hợp sửa đổi, bổ sung phạm vi hoạt động hồ sơ gồm: Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung phạm vi hoạt động theo Mẫu số 01 Phụ lục II; bản thuyết minh bổ sung thông tin về phạm vi huấn luyện thực hiện theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Trường hợp giấy chứng nhận bị hỏng, mất thì có văn bản đề nghị cấp lại;

d) Trường hợp đổi tên tổ chức trong giấy chứng nhận thì có văn bản đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận và nộp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện huấn luyện bản chính.

3. Trình tự cấp mới, gia hạn, bổ sung, cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và công bố thông tin tổ chức huấn luyện như sau:

a) Tổ chức có nhu cầu cấp mới, gia hạn, bổ sung phạm vi hoạt động Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động hạng B, hạng C gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều này tới cơ quan có thẩm quyền để thẩm định, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động, gia hạn, cấp lại, đổi tên tổ chức; nộp phí thẩm định theo quy định của Bộ Tài chính.

Hồ sơ đề nghị gia hạn, tổ chức huấn luyện gửi đến cơ quan có thẩm quyền chậm nhất 30 ngày trước khi hết thời hạn quy định trong Giấy chứng nhận.

b) Đối với tổ chức đủ điều kiện huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng A tự công bố gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều này cho cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ tự công bố.

c) Trong thời hạn 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền phải tiến hành thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động; công bố trên cổng thông tin điện tử đối với tổ chức được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện, đủ điều kiện hoạt động huấn luyện Hạng A tự công bố. Trường hợp không cấp hoặc không công bố thì phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị và nêu rõ lý do.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động do bị hỏng, mất; cấp đổi tên tổ chức huấn luyện trong giấy chứng nhận đủ điều kiện huấn luyện, cơ quan có thẩm quyền phải tiến hành cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ huấn luyện cho tổ chức huấn luyện đề nghị cấp lại.

1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

a) Hết thời hạn đình chỉ hoạt động huấn luyện hoặc thời hạn tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động theo quyết định xử phạt của cơ quan có thẩm quyền mà không khắc phục vi phạm dẫn đến bị xử phạt.

b) Tiến hành hoạt động huấn luyện trong thời gian bị cơ quan có thẩm quyền đình chỉ hoạt động hoặc tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động.

2. Tổ chức, doanh nghiệp tự công bố đủ điều kiện Huấn luyện hạng A bị đình chỉ tự huấn luyện nếu vi phạm quy định về điều kiện hoạt động huấn luyện.

## **Mục 5. HUẤN LUYỆN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG LÀM VIỆC KHÔNG THEO HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG**

**Điều 32. Hỗ trợ huấn luyện người lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động**

1. Đối tượng được ưu tiên hỗ trợ chi phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động là người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng và thân nhân chủ yếu của người có công với cách mạng làm việc không theo hợp đồng lao động khi làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động.

2. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Hỗ trợ chi phí huấn luyện 01 lần đối với 01 công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động;

b) Tham gia đầy đủ chương trình huấn luyện và sát hạch đạt yêu cầu, được cấp Thẻ an toàn;

c)<sup>28</sup> Hỗ trợ cho người lao động thông qua tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động.

3. Mức hỗ trợ theo chi phí thực tế của khóa huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động nhưng không quá 50% mức lương cơ sở/người/khóa huấn luyện theo quy định của Chính phủ tại thời điểm huấn luyện.

4. Nguồn kinh phí hỗ trợ được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

5. Cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội các cấp lập dự toán kinh phí hỗ trợ huấn luyện hằng năm, gửi cơ quan tài chính cùng cấp để trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí hỗ trợ huấn luyện cho đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này trong dự toán ngân sách nhà nước. Việc lập dự toán, phân bổ, giao dự toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ huấn luyện thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

---

<sup>27</sup> Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 15 Điều 1 của Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2018.

<sup>28</sup> Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 16 Điều 1 của Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2018.

- Đánh giá yếu tố tiếp xúc nghề nghiệp, bao gồm: yếu tố vi sinh vật, gây dị ứng, miễn cảm, dung môi;

- Đánh giá gánh nặng lao động và một số chỉ tiêu tâm sinh lý lao động Ec-gô-nô-my: Đánh giá gánh nặng lao động thể lực; đánh giá căng thẳng thần kinh tâm lý; đánh giá Ec-gô-nô-my vị trí lao động;

- Lấy mẫu, bảo quản, đo, thử nghiệm tại hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm của bụi hạt, phân tích hàm lượng silic trong bụi, bụi kim loại, bụi than, bụi talc, bụi bông và bụi amiăng;

- Lấy mẫu, bảo quản, đo, thử nghiệm tại hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm của các yếu tố hóa học tối thiểu bao gồm NOx, SOx, CO, CO<sub>2</sub>, dung môi hữu cơ (benzen và đồng đẳng - toluen, xylen), thủy ngân, asen, TNT, nicotin, hóa chất trừ sâu;

b)<sup>32</sup> Có kế hoạch và quy trình bảo quản, sử dụng an toàn, bảo dưỡng và kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc quy định của nhà sản xuất nếu cơ quan nhà nước có thẩm quyền không quy định;

c)<sup>33</sup> Có quy trình sử dụng, vận hành thiết bị lấy và bảo quản mẫu, đo, thử nghiệm và phân tích môi trường lao động;

d) Có trụ sở làm việc, đủ diện tích để bảo đảm chất lượng công tác quan trắc môi trường lao động, điều kiện phòng thí nghiệm phải đạt yêu cầu về chất lượng trong bảo quản, xử lý, phân tích mẫu;

đ) Trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân khi thực hiện quan trắc môi trường lao động;

e) Có biện pháp bảo đảm vệ sinh công nghiệp, an toàn phòng cháy, chữa cháy, an toàn sinh học, an toàn hóa học và tuân thủ nghiêm ngặt việc thu gom, vận chuyển bảo quản và xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật.

### **Điều 34. Hồ sơ, thủ tục công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động**

1. Hồ sơ công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động được lập thành 01 bộ gồm các giấy tờ sau:

a) Văn bản đề nghị công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động của tổ chức theo mẫu quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục số III ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Hồ sơ công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động theo hướng dẫn quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục số III ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Thủ tục công bố đủ điều kiện thực hiện quan trắc môi trường lao động:

---

<sup>32</sup> Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 19 Điều 1 của Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2018.

<sup>33</sup> Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 19 Điều 1 của Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2018.

c) Đối với quan trắc môi trường lao động bằng phương pháp phát hiện nhanh khi kết quả có nghi ngờ, tổ chức quan trắc môi trường lao động lấy mẫu, phân tích bằng phương pháp phù hợp tại phòng xét nghiệm đủ tiêu chuẩn.

4. Yếu tố có hại cần quan trắc, đánh giá được bổ sung cập nhật trong Hồ sơ vệ sinh lao động trong trường hợp sau đây:

a) Có thay đổi về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất hoặc khi thực hiện cải tạo, nâng cấp cơ sở lao động mà có nguy cơ phát sinh yếu tố nguy hại mới đối với sức khỏe người lao động;

b) Tổ chức quan trắc môi trường lao động đề xuất bổ sung khi thực hiện quan trắc môi trường lao động;

c) Theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

5. Tổ chức thực hiện quan trắc môi trường lao động được thanh toán chi phí quan trắc môi trường lao động; đánh giá tiếp xúc nghề nghiệp, báo cáo và phí quản lý do người sử dụng lao động chi trả theo quy định của pháp luật.

6. Tổ chức quan trắc môi trường lao động báo cáo Bộ Y tế hoặc Sở Y tế về yếu tố có hại mới được phát hiện, phát sinh tại cơ sở lao động mà chưa có quy định về giới hạn cho phép.

### **Điều 36. Căn cứ xây dựng kế hoạch quan trắc môi trường lao động**

1. Hồ sơ vệ sinh lao động của cơ sở lao động, quy trình sản xuất kinh doanh và số lượng người lao động làm việc tại bộ phận có yếu tố có hại để xác định số lượng yếu tố có hại cần quan trắc, số lượng mẫu cần lấy và vị trí lấy mẫu đối với mỗi yếu tố có hại.

2. Số người lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm tại cơ sở lao động.

3. Yếu tố vi sinh vật, dị nguyên, yếu tố gây dị ứng, ung thư và các yếu tố có hại khác có khả năng gây ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động mà chưa được xác định trong Hồ sơ vệ sinh lao động.

### **Điều 37. Quy trình thực hiện quan trắc môi trường lao động**

1. Trước khi thực hiện quan trắc môi trường lao động, tổ chức quan trắc môi trường lao động đảm bảo máy móc, thiết bị phục vụ quan trắc môi trường lao động được hiệu chỉnh, hiệu chuẩn theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thực hiện đúng và đầy đủ quy trình quan trắc môi trường lao động đã cam kết.

3. Thông báo trung thực kết quả quan trắc môi trường lao động cho người sử dụng lao động.

4. Trường hợp kết quả quan trắc môi trường lao động không bảo đảm, cơ sở lao động thực hiện như sau:

a) Triển khai biện pháp cải thiện điều kiện lao động, giảm thiểu yếu tố có hại và phòng chống bệnh nghề nghiệp;

b) Tổ chức khám sức khỏe phát hiện sớm bệnh nghề nghiệp và bệnh liên quan đến nghề nghiệp cho người lao động ở các vị trí có môi trường lao động không đảm bảo;

c) Bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động theo quy định của pháp luật về lao động.

động và công tác kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn vệ sinh lao động, quan trắc môi trường lao động tại cơ sở sản xuất, kinh doanh.

9. Chủ trì, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động, quan trắc môi trường lao động theo quy định của pháp luật.

10. Hằng năm, hướng dẫn địa phương xây dựng kế hoạch, dự toán nhu cầu kinh phí hỗ trợ huấn luyện cho người lao động theo quy định tại Điều 32 Nghị định này và tổng hợp nhu cầu kinh phí gửi Bộ Tài chính để trình cấp có thẩm quyền quyết định kinh phí hỗ trợ theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước; dự kiến phân bổ kinh phí hỗ trợ huấn luyện gửi cấp có thẩm quyền quyết định và hướng dẫn tổ chức thực hiện.

#### **Điều 40. Trách nhiệm của Bộ Y tế**

1.<sup>34</sup> Chủ trì quản lý, hướng dẫn, kiểm tra về công tác cấp chứng chỉ chứng nhận chuyên môn về y tế lao động, huấn luyện sơ cứu, cấp cứu tại nơi làm việc. Tổ chức tiếp nhận thông tin và công bố trên cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế về thông tin của các đơn vị y tế cấp chứng chỉ chứng nhận chuyên môn về y tế lao động, thực hiện huấn luyện sơ cứu, cấp cứu tại nơi làm việc theo thẩm quyền quản lý.

Chỉ đạo Sở Y tế thực hiện công tác quản lý, kiểm tra, tiếp nhận thông tin và công bố trên cổng thông tin điện tử của Sở Y tế về thông tin của các đơn vị y tế thực hiện huấn luyện sơ cứu, cấp cứu tại nơi làm việc, cấp chứng chỉ chứng nhận chuyên môn về y tế lao động.

Quy định việc huấn luyện sơ cứu, cấp cứu tại nơi làm việc đối với cơ sở y tế từ tuyến huyện trở lên.

2.<sup>35</sup> Quy định tài liệu, nội dung huấn luyện về y tế lao động, sơ cứu, cấp cứu tại nơi làm việc. Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng Chương trình khung chi tiết huấn luyện về y tế lao động, sơ cứu, cấp cứu tại nơi làm việc, vệ sinh lao động, bệnh nghề nghiệp.

3. Quy định, tổ chức thực hiện, quản lý hoạt động quan trắc môi trường lao động tại cơ sở lao động.

4. Xây dựng cơ sở dữ liệu về hoạt động quan trắc môi trường lao động; công bố Tổ chức quan trắc môi trường lao động đủ điều kiện hoạt động; Tổ chức quan trắc môi trường bị đình chỉ, bị xử lý hành vi vi phạm hành chính trên trang thông tin điện tử của Bộ Y tế.

5. Chỉ đạo quan trắc môi trường lao động tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp có nguy cơ cao gây bệnh nghề nghiệp.

6. Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, địa phương thực hiện thanh tra, kiểm tra hoạt động quan trắc môi trường lao động, huấn luyện về vệ sinh lao

---

<sup>34</sup> Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 20 Điều 1 của Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2018.

<sup>35</sup> Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 20 Điều 1 của Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2018.

1. Quản lý, tổ chức thực hiện công tác kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động, quan trắc môi trường lao động trên địa bàn quản lý.

2. Chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Y tế và các ngành liên quan phối hợp với tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn thực hiện công tác kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

3. Tổng hợp nhu cầu hỗ trợ huấn luyện cho người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động khi làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động tại địa phương, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

**Điều 44. Trách nhiệm của Tổ chức hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, Tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và Tổ chức quan trắc môi trường lao động**

1. Bảo đảm về điều kiện trong quá trình hoạt động theo quy định của tại Nghị định này.

2.<sup>36</sup> Trước ngày 15 tháng 12 hằng năm, Tổ chức hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động báo cáo bằng văn bản kết quả hoạt động về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi có trụ sở chính và nơi có hoạt động và cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định theo mẫu quy định tại Phụ lục Id ban hành kèm theo Nghị định này, đồng thời gửi thư điện tử tới Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo địa chỉ: antoanlaodong@molisa.gov.vn.

3. Trước 15 tháng 12 hằng năm, Tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động, doanh nghiệp tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động báo cáo bằng văn bản kết quả hoạt động về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi có trụ sở chính theo Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này, đồng thời gửi thư điện tử tới Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo địa chỉ antoanlaodong@molisa.gov.vn.

4. Trước ngày 15 tháng 12 hằng năm, Tổ chức hoạt động quan trắc môi trường lao động báo cáo bằng văn bản kết quả hoạt động về Bộ Y tế hoặc Sở Y tế nơi công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động, đồng thời gửi thư điện tử tới Bộ Y tế theo địa chỉ baocaoytld@moh.gov.vn.

Báo cáo Bộ Y tế hoặc Sở Y tế về yếu tố nguy hại mới được phát hiện, phát sinh tại cơ sở lao động khi thực hiện quan trắc môi trường lao động, đồng thời đề xuất bổ sung Hồ sơ vệ sinh lao động của cơ sở lao động.

5. Khi có thay đổi về địa chỉ trụ sở, chi nhánh, Tổ chức hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động thông báo bằng văn bản cho cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động ít nhất 07 ngày làm việc trước khi thực hiện thay đổi về địa chỉ trụ sở, chi nhánh.

6. Khi có nhu cầu thay đổi đối tượng kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hoặc quan trắc môi trường lao động, tổ chức có trách

---

<sup>36</sup> Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 21 Điều 1 của Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2018.

người sử dụng lao động của bên thuê lại lao động) phải chịu trách nhiệm tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động theo quy định tại Nghị định này.

7. Lưu giữ hồ sơ, tài liệu gồm: Hồ sơ, kết quả kiểm định máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động; chương trình huấn luyện chi tiết, tài liệu huấn luyện, danh sách người được huấn luyện, kết quả kiểm tra, sát hạch, bản sao giấy tờ chứng minh đủ điều kiện của người huấn luyện; hồ sơ, kết quả quan trắc môi trường lao động.

## **Chương VI**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 46. Quy định chuyển tiếp**

1. Tổ chức hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc công nhận đủ điều kiện hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực tiếp tục hoạt động cho đến hết thời hạn hoạt động đã được công nhận. Khi thực hiện kiểm định, huấn luyện phải bảo đảm điều kiện quy định tại Nghị định này.

2. Chứng chỉ Kiểm định viên, Giấy chứng nhận giảng viên huấn luyện, Chứng nhận, Chứng chỉ huấn luyện đã cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực có giá trị đến khi hết hạn.

3. Hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động thuộc chương trình, dự án của Nhà nước hoặc của tổ chức quốc tế tại Việt Nam bảo đảm điều kiện tổ chức huấn luyện theo quy định tại Nghị định này, người tham dự huấn luyện được cấp Giấy chứng nhận huấn luyện, thẻ an toàn hoặc công nhận kết quả huấn luyện theo quy định tại Nghị định này.

4. Tổ chức, đơn vị đã hoạt động đo, kiểm tra môi trường lao động trước ngày Nghị định này có hiệu lực được tiếp tục hoạt động nhưng phải hoàn thành việc công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động trước ngày 01 tháng 7 năm 2017.

#### **Điều 47. Hiệu lực thi hành<sup>37</sup>**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

2. Nội dung quy định về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động tại các Điều 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23 và 24 mục 3; hoạt động huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 25 Nghị định số 45/2013/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Bộ luật Lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và an toàn lao động, vệ sinh lao động hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

3. Hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng được áp dụng

---

<sup>37</sup> Điều 19 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2018 quy định như sau:

“Điều 19. Hiệu lực thi hành và thực hiện

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn và thi hành Nghị định này.”

**PHỤ LỤC I**  
**BIỂU MẪU VỀ CÔNG TÁC KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN LAO ĐỘNG**  
(Kèm theo Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ)

**Phụ lục la**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG  
KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN LAO ĐỘNG  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH KỸ  
THUẬT AN TOÀN LAO ĐỘNG**

Kính gửi: .....

1. Tên tổ chức: .....
2. Địa chỉ liên lạc: .....
- Điện thoại: ..... Fax: ..... E-mail: .....
3. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.....  
Cơ quan cấp: ..... cấp ngày ..... tại .....
4. Người đại diện theo pháp luật:  
Họ tên: .....Giới tính: .....  
Chức vụ: .....  
Quốc tịch .....Sinh ngày: .....  
Số CMND/hộ chiếu/căn cước công dân ..... Cấp ngày ..... tại.....  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....  
Điện thoại: .....E-mail:.....
5. Sau khi nghiên cứu quy định tại Nghị định 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ, chúng tôi nhận thấy có đủ các điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với các đối tượng kiểm định trong phạm vi sau đây:

<b>STT</b>	<b>Tên đối tượng kiểm định</b> (theo Danh mục máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành)	<b>Giới hạn đặc tính kỹ thuật</b> (Giới hạn đặc tính kỹ thuật của máy, thiết bị, vật tư mà tổ chức có khả năng thực hiện)
1	.....	
2	.....	

Đề nghị quý Cơ quan xem xét và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động cho ... (**tên tổ chức**) theo phạm vi nêu trên.

6. Tài liệu gửi kèm theo gồm có: .....

7. .... (**Tên tổ chức, doanh nghiệp**) xin cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị này và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.
- Thực hiện đúng các quy định về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và các quy định khác của pháp luật có liên quan./.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC....**  
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)



**MẪU DANH SÁCH KIỂM ĐỊNH VIÊN<sup>39</sup>**  
**(TÊN TỔ CHỨC) .....**  
**DANH SÁCH KIỂM ĐỊNH VIÊN**

STT	Họ và tên	Số hiệu kiểm định viên (nếu có)	Phạm vi kiểm định	Số hợp đồng lao động/loại hợp đồng lao động
1				
2				
3				
4				
.....				

....., ngày ... tháng ... năm .....

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC....**  
*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI (GIA HẠN) GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU  
KIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN LAO ĐỘNG  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
CẤP LẠI (GIA HẠN) GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG  
KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN LAO ĐỘNG**

Kính gửi: .....

1. Tên tổ chức: .....
2. Địa chỉ liên lạc: .....
3. Điện thoại: ..... Fax: ..... E-mail: .....
3. Được thành lập theo Quyết định /Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số .....
- Cơ quan cấp: ..... cấp ngày ..... tại .....
4. Người đại diện theo pháp luật:  
Họ tên: ..... Giới tính: .....  
Chức vụ: .....  
Quốc tịch ..... Sinh ngày: .....  
Số CMND/hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân ..... Cấp ngày ..... tại .....  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....
- Điện thoại: ..... E-mail: .....
5. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đã được cấp số: .....; Ngày hết hiệu lực: .....

<sup>39</sup> Danh sách “Phân công kiểm định viên” được thay thế bởi Mẫu số 06 “Danh sách kiểm định viên” theo quy định tại khoản 22 Điều 1 của Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2018.

**MẪU BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN LAO ĐỘNG  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**BÁO CÁO  
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN LAO ĐỘNG TỪ  
NĂM 20... ĐẾN NĂM 20...**

Kính gửi: .....

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ TỔ CHỨC**

1. Tên tổ chức: .....
2. Địa chỉ liên lạc: .....
3. Điện thoại: .....Fax: ..... E-mail: .....
3. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số .....
- Cơ quan cấp: ..... cấp ngày .....
4. Người đại diện theo pháp luật:  
Họ tên: .....Giới tính: .....  
Chức vụ: .....  
Quốc tịch .....Sinh ngày: .....  
Số CMND/hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân ..... Cấp ngày .....tại .....  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....  
Điện thoại: .....E-mail: .....
5. Giấy chứng nhận đã được cấp số: .....
- Ngày cấp: ..... Ngày hết hiệu lực: .....

**II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC KIỂM ĐỊNH TỪ NĂM 20... ĐẾN NĂM 20...**

1. Tình hình thực hiện quy định pháp luật về trách nhiệm của tổ chức hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động: .....
2. Số lượng thiết bị thực hiện kiểm định:

STT	Địa phương	Số lượng đối tượng đã kiểm định đạt yêu cầu		Thiết bị nâng		Thiết bị áp lực		Công trình vui chơi công cộng		Thiết bị không đạt yêu cầu về an toàn
		Lần đầu	Định kỳ	Lần đầu	Định kỳ	Lần đầu	Định kỳ	Lần đầu	Định kỳ	
I	NĂM 20...									
	..... NĂM 20...									
	<b>Tổng số</b>	...	...							

3. Những thay đổi về năng lực kiểm định của tổ chức:.....
4. Việc thực hiện đề nghị, kiến nghị của đoàn thanh tra, kiểm tra.....
5. Các hình thức xử lý kỷ luật, khen thưởng (nếu có):.....

**III. KIẾN NGHỊ (NẾU CÓ)**

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC.....**  
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

**Phụ lục Ib**  
**PHÂN CÔNG THẨM QUYỀN CẤP, GIA HẠN, CẤP LẠI, THU HỒI GIẤY**  
**CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN**  
**TOÀN LAO ĐỘNG**

STT	PHẠM VI THẨM QUYỀN ĐƯỢC PHÂN CÔNG
<b>I</b>	<b>Thẩm quyền của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (trừ máy, thiết bị, vật tư thuộc thẩm quyền của các bộ quy định tại mục II đến mục IX)</b>
1	Nồi hơi; Nồi đun nước nóng có nhiệt độ môi chất trên 115 °C; Nồi gia nhiệt dầu.
2	Hệ thống đường ống áp lực.
3	Các bình, bồn, bể chịu áp lực (bao gồm chai chứa khí hóa lỏng).
4	Hệ thống lạnh; Hệ thống Điều chế, nạp khí, khí hóa lỏng, khí hòa tan.
5	Thiết bị nâng, gồm: cần trục, cầu trục, cổng trục, máy nâng (bàn nâng, sàn nâng, cầu nâng, Pa lăng điện, pa lăng kéo tay, tời điện, tời tay), xe nâng hàng, xe nâng người và các loại bộ phận mang tải.
6	Máy vận thăng.
7	Thang máy, thang cuốn, băng tải chở người.
8	Máy, thiết bị phục vụ mục đích vui chơi, giải trí; hệ thống cáp treo chở người.
9	Thiết bị, phương tiện bảo vệ cá nhân.
10	Thiết bị an toàn, thiết bị cảnh báo an toàn cho người lao động; thiết bị phục vụ huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động; thiết bị dạy nghề.
<b>II</b>	<b>Thẩm quyền của Bộ Công Thương</b>
1	Nồi hơi có áp suất trên 16bar, bình chịu áp lực, hệ thống đường ống áp lực (có kết cấu không lắp trên các phương tiện giao thông vận tải và phương tiện thăm dò khai thác dầu khí trên biển) trong lĩnh vực: công nghiệp cơ khí, luyện kim; sản xuất, truyền tải, phân phối điện, năng lượng mới, năng lượng tái tạo; khai thác, chế biến, vận chuyển, phân phối, tồn chứa dầu khí và sản phẩm dầu khí; hóa chất nguy hiểm; vật liệu nổ công nghiệp; công nghiệp khai thác than.
2	Hệ thống Điều chế, tồn chứa, nạp, cấp, bình, bồn, bể chứa, chai chứa sản phẩm dầu khí và khí dầu mỏ hóa lỏng.
3	Đường ống vận chuyển, phân phối khí đốt cố định bằng kim loại và đường ống khí đốt công nghệ trong các công trình dầu khí trên đất liền.
4	Cột chống thủy lực đơn, giá khung di động và dàn chống tự hành cấu tạo từ các cột chống thủy lực đơn sử dụng trong việc chống giữ lò trong khai thác hầm lò.
5	Tời, trục tải có tải trọng từ 10.000 N trở lên sử dụng trong khai thác hầm lò.
6	Máy biến áp phòng nổ
7	Động cơ điện phòng nổ.
8	Thiết bị phân phối, đóng cắt phòng nổ (khởi động từ, khởi động mềm, Aptomat, máy cắt điện tự động, biến tần, rơ le dòng điện rò).
9	Thiết bị Điều khiển phòng nổ (bảng Điều khiển, hộp nút nhấn).
10	Máy phát điện phòng nổ.
11	Cáp điện phòng nổ.
12	Đèn chiếu sáng phòng nổ.

	Máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động phục vụ quốc phòng, an ninh.
<b>IX</b>	<b>Thẩm quyền của Bộ Y tế</b> Máy, thiết bị, vật tư thuộc ngành y tế.

**Phụ lục Ic**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ KIỂM ĐỊNH VIÊN  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng .... năm 20 .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP (HOẶC CẤP LẠI) CHỨNG CHỈ KIỂM ĐỊNH VIÊN**

Kính gửi: .....

Họ và tên: .....Ngày sinh .....

Địa chỉ: .....

Số CMND/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân...ngày cấp .....nơi cấp....

Trình độ học vấn: .....điện thoại .....E-mail: .....

Đề nghị cấp chứng chỉ kiểm định viên với phạm vi sau đây:

TT	Phạm vi đề nghị	
	Tên đối tượng kiểm định	Giới hạn đặc tính kỹ thuật

hoặc

Đề nghị cấp lại chứng chỉ kiểm định viên số hiệu .....

Lý do/Nội dung đề nghị cấp lại:

Hồ sơ kèm theo gồm có:

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu....

**CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ**  
(Ký tên và ghi rõ họ tên)

**Phụ lục Id**  
**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH**  
**(MẶT TRƯỚC)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH**

**N<sub>o</sub>: (Số seri) .....**

(MẶT SAU)

**TÊN TỔ CHỨC KIỂM ĐỊNH**

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Số đăng ký chứng nhận:...(1)...

**I. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN SỬ DỤNG**

Tên tổ chức, cá nhân sử dụng: .....

Địa chỉ: .....

**II. ĐỐI TƯỢNG KIỂM ĐỊNH**

Tên đối tượng kiểm định: .....

Mã hiệu: ..... Số chế tạo: .....

Nhà sản xuất/nước sản xuất: ..... Năm chế tạo: .....

Đặc tính, thông số kỹ thuật: .....

Địa điểm lắp đặt: .....

Đã được kiểm định ..... (lần đầu, định kỳ, bất thường) đạt yêu cầu theo biên bản kiểm định số ..... ngày ..... tháng ... năm .....

Tem kiểm định số: .....

Giấy chứng nhận kết quả kiểm định có hiệu lực đến ngày: .....

....., ngày tháng năm

**GIÁM ĐỐC**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(\*) Với điều kiện tổ chức, cá nhân sử dụng phải tuân thủ các quy định về sử dụng và bảo quản tại quy chuẩn kỹ thuật và quy định của nhà sản xuất

(Giấy chứng nhận có kích thước khổ A5)

(1) Số đăng ký chứng nhận của Tổ chức kiểm định do cơ quan có thẩm quyền cấp.

**MẪU BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH CỦA  
TỔ CHỨC KIỂM ĐỊNH**

**TÊN TỔ CHỨC KIỂM  
ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

Số đăng ký chứng nhận:

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa chỉ:

-----

Điện thoại:

Số: .....

....., ngày.... tháng ... năm .....

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH NĂM...**

*(Từ ngày .../.../20... đến ngày .../.../20...)*

Kính gửi: .....

Thực hiện quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP, ...(tên đơn vị kiểm định)... báo cáo tình hình hoạt động kiểm định như sau:

**BẢNG 1. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KIỂM ĐỊNH MÁY, THIẾT BỊ CÓ YÊU CẦU  
NGHIÊM NGẶT VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG**

STT	Tên địa phương	Số lượng đối tượng đã kiểm định đạt yêu cầu	
		Lần đầu	Định kỳ
1			
2			
.....			
	<b>Tổng số</b>	...	...

**BẢNG 2. PHÂN LOẠI THIẾT BỊ ĐÃ ĐƯỢC KIỂM ĐỊNH**

Đối tượng kiểm định <i>(ghi tên đối tượng kiểm định theo Danh mục máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động do Bộ Lao động - Thương bình và Xã hội ban hành)</i>	Đơn vị tính	Kiểm định Lần đầu/ Định kỳ	Số lượng đối tượng đã kiểm định đạt yêu cầu
1		Lần đầu .....	
		Định kỳ .....	
2		Lần đầu .....	
		Định kỳ .....	
.....		Lần đầu .....	
		Định kỳ .....	
Tổng số		Lần đầu .....	
		Định kỳ .....	

**Đánh giá, kiến nghị, đề xuất:**

a) Đánh giá công tác kiểm định.

b) Những vấn đề nảy sinh trong quá trình kiểm định.

c) Đề xuất, kiến nghị đối với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để nâng cao hoạt động kiểm định./.

**GIÁM ĐỐC**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

## PHỤ LỤC II

BIỂU MẪU VỀ CÔNG TÁC HUẤN LUYỆN AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG  
(Kèm theo Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ)

Mẫu 01: Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động<sup>40</sup>

CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÊN TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

....., ngày ... tháng ... năm .....

### ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động  
(thay đổi, bổ sung phạm vi hoạt động huấn luyện)**

Kính gửi:.....

1. Tên tổ chức/doanh nghiệp đăng ký: .....
  2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
  - Điện thoại: .....Fax:..... Email:.....
  - Địa chỉ chi nhánh/cơ sở huấn luyện khác (nếu có): .....
  3. Quyết định thành lập, giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy phép kinh doanh:  
Số: .....Ngày tháng năm cấp: .....
  - Cơ quan ra quyết định hoặc cấp:.....
  4. Họ và tên người đứng đầu tổ chức/doanh nghiệp: .....
  - Địa chỉ: .....
  - Số chứng minh nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu: .....
  5. Đăng ký công bố hoạt động huấn luyện/tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động đạt hạng (B, C) ... trong phạm vi hoạt động huấn luyện lĩnh vực, công việc/sửa đổi, bổ sung phạm vi hoạt động huấn luyện như sau (có bản thuyết minh điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động kèm theo):.....
- Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng quy định pháp luật về hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quy định của pháp luật có liên quan./.

**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

<sup>40</sup> Mẫu 01 này được thay thế bởi Mẫu 01 phụ lục I theo quy định tại khoản 23 Điều 1 của Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2018.

2				
...				

**NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

**Ghi chú:** Đối với các thiết bị cần kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thì cần ghi rõ năm kiểm định vào phần ghi chú.



Hà Nội, ngày tháng năm .....  
..... (4) .....  
(Ký tên, đóng dấu)

- (1) Cơ quan được giao quản lý nhà nước về ATVSLĐ thuộc Bộ (nếu được giao)
- (2) Năm cấp giấy chứng nhận.
- (3) Tên Tổ chức huấn luyện.
- (4) Chức danh người đứng đầu.

Mẫu 03b: Thông báo đủ điều kiện huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng A<sup>42</sup>  
**CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÊN TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

....., ngày... tháng ... năm .....

### THÔNG BÁO

**Đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng A**

Kính gửi:.....

1. Tên tổ chức/doanh nghiệp đăng ký: .....
  2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
  - Điện thoại:..... Fax:..... Email: .....
  - Địa chỉ chi nhánh/cơ sở huấn luyện khác (nếu có): .....
  3. Quyết định thành lập, giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy phép kinh doanh:  
Số: .....Ngày tháng năm cấp: .....
  - Cơ quan ra quyết định hoặc cấp: .....
  4. Họ và tên người đứng đầu tổ chức/doanh nghiệp: .....
  - Địa chỉ: .....
  - Số chứng minh nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu: .....
- Tự công bố đủ điều kiện hoạt động huấn luyện/tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động đạt hạng A.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng quy định pháp luật về hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quy định của pháp luật có liên quan./.

**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

<sup>42</sup> Mẫu 03b này được bổ sung bởi mẫu 03 Phụ lục I theo quy định tại khoản 23 Điều 1 của Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2018.

Đến ngày ..... tháng ..... năm .....

....., ngày tháng năm .....

**Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

...  
(Ký tên, đóng dấu)

- 
- (1) Năm cấp giấy chứng nhận.  
(2) Tên Tổ chức hoạt động huấn luyện.

Mặt trước	Mặt sau
(1) ..... (2) ..... <b>THẺ AN TOÀN LAO ĐỘNG</b> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;"> <b>Ảnh 3x4, đóng dấu giáp lai</b> </div> Số:...../(3) ...../TATLĐ	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b> <b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b> ----- <b>THẺ AN TOÀN LAO ĐỘNG</b> Họ và tên: ..... Sinh ngày: ...../...../..... Công việc: ..... Đã hoàn thành khóa huấn luyện: ..... ..... Từ ngày ..../.../20 .... đến ngày ./.../20 ...  ....., ngày .../.../..... (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)  Thẻ có giá trị đến ngày .../.../.....

(1) Tên cơ quan chủ quản cơ sở cấp thẻ (chữ in hoa, cỡ 10)

(2) Tên cơ sở cấp thẻ (chữ in hoa đậm, cỡ 10).

(3) Năm cấp thẻ an toàn.

Mẫu 07: Mẫu Chứng chỉ chứng nhận chuyên môn về y tế lao động<sup>44</sup> (*được bãi bỏ*)

<sup>44</sup> Mẫu 07 này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2018

9. Giấy chứng nhận có giá trị 2 năm.  
Từ ngày ...tháng ...năm ..... đến ngày ...tháng ...  
năm .....

..... ngày ..... tháng ..... năm ....

**Người cấp giấy chứng nhận**

(Ký tên, đóng dấu)

Trang 2

Trang 3

	luyện an toàn, vệ sinh lao động (lần đầu)							
1								
2								
...								
II	Tập huấn cập nhật kiến thức, thông tin an toàn, vệ sinh lao động cho người huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động							
1								
2								
...								

**THỦ TRƯỞNG**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**NGƯỜI VÀO SỔ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu 10: Sổ theo dõi việc cấp Thẻ an toàn của doanh nghiệp hoặc Tổ chức huấn luyện cấp cho người ở khu vực không có HDLD

**SỔ THEO DÕI CẤP THẺ AN TOÀN**

Năm 20 .....

TT	Họ tên	Năm sinh	Chức vụ	Ngày cấp Thẻ an toàn	Số Thẻ an toàn	Huấn luyện định kỳ ngày ...	Chữ ký
1							
2							
...							

**Thủ trưởng**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Người vào sổ**  
(Ký tên)

### PHỤ LỤC III

## BIỂU MẪU PHỤC VỤ CÔNG TÁC QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG (Kèm theo Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ)

Mẫu 01: Mẫu Đơn đề nghị công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

....., ngày tháng năm 20.....

### ĐƠN ĐỀ NGHỊ

#### công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động

Kính gửi:.....

Căn cứ Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động,

1. Tên tổ chức: ..... (GHI CHỮ IN ĐẬM)

.....

2. Người đại diện: ..... Chức vụ:

.....

3. Địa chỉ:

.....

4. Số điện thoại: ..... Số fax:

.....

Địa chỉ E\_mail: ..... Web-site:

.....

5. Lĩnh vực đề nghị được công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động:

5.1. Yếu tố vi khí hậu:

- Nhiệt độ:

- Độ ẩm:

- Tốc độ gió:

- Bức xạ nhiệt:

5.2. Yếu tố vật lý:

- Ánh sáng:

- Tiếng ồn theo dải tần

- Rung chuyển theo dải tần

- Vận tốc rung đứng hoặc ngang

- Phóng xạ

- Điện từ trường tần số công nghiệp

- Điện từ trường tần số cao

- Bức xạ tử ngoại

- Các yếu tố vật lý khác (ghi rõ)

.....

5.3. Yếu tố bụi các loại:

- Bụi toàn phần:

- Bụi hô hấp:

- Bụi thông thường:

Mẫu 02: Mẫu Hồ sơ công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động  
**TÊN TỔ CHỨC** **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT**  
**NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày tháng năm 20.....

**HỒ SƠ CÔNG BỐ ĐỦ ĐIỀU KIỆN**  
**QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG**

**A. THÔNG TIN CHUNG**

**I. Tên tổ chức đề nghị công bố:**.....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: ..... Số Fax: .....

Địa chỉ Email ..... Website .....

**II. Cơ quan chủ quản:** .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: ..... Số Fax: .....

Địa chỉ Email ..... Website .....

**III. Lãnh đạo tổ chức:** .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: ..... Số Fax: .....

Địa chỉ Email: .....

**IV. Người liên lạc:** .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: ..... Số Fax: .....

Địa chỉ Email:.....

*(Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Quyết định của cấp có thẩm quyền quy định chức năng, nhiệm vụ của tổ chức hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; trường hợp là doanh nghiệp nước ngoài phải có Quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam gửi kèm theo).*

**B. THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC**

**1. điều kiện về trụ sở, cơ sở vật chất, diện tích làm việc**

- Trụ sở làm việc: Có  Không

- Tổng diện tích: .....m<sup>2</sup>;

+ Khu vực hành chính và tiếp nhận mẫu .....m<sup>2</sup>;

+ Phòng xét nghiệm bụi và các yếu tố vật lý .....m<sup>2</sup>;

+ Phòng xét nghiệm hóa học và sinh hóa .....m<sup>2</sup>;

+ Phòng xét nghiệm các yếu tố vi sinh: .....m<sup>2</sup>;

+ Phòng thí nghiệm tâm sinh lý và ec-gô-nô-my .....m<sup>2</sup>;

+ Phòng bảo quản thiết bị quan trắc môi trường lao động .....m<sup>2</sup>;

*(Kèm theo sơ đồ vị trí địa lý và sơ đồ bố trí trang thiết bị của phòng xét nghiệm).*

**2. Cán bộ thực hiện quan trắc môi trường lao động**

- Danh sách cán bộ thực hiện quan trắc môi trường lao động:

Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức vụ (trong tổ chức)	Trình độ chuyên ngành	Số năm công tác trong ngành

Mẫu 03: Mẫu Phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động<sup>46</sup> (*được bãi bỏ*)

Mẫu 04: Mẫu Báo cáo kết quả thực hiện quan trắc môi trường lao động

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN  
QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG**  
(Được lưu giữ cùng với Hồ sơ vệ sinh lao động)

Ngày tháng năm

Tại: .....

Năm.....

TỈNH, THÀNH PHỐ...  
CƠ SỞ QTMTLĐ: .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM

-----

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: .../MTLĐ

..., ngày ... tháng ... năm ...

Thực hiện Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ.

(Tên cơ sở tiến hành quan trắc môi trường lao động): .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

Do ông/bà: ..... làm đại diện.

đã tiến hành quan trắc môi trường lao động tại: .....

Ngày ... tháng...năm 20...

**Phương pháp:**

Đo các chỉ số vi khí hậu, bụi, ánh sáng, hơi độc, phóng xạ, điện từ trường tại các vị trí kỹ thuật theo phương pháp .....

**Thiết bị đo:**

+ Đo vi khí hậu bằng máy: .....

+ Đo ánh sáng bằng máy: .....

+ Đo tiếng ồn bằng máy: .....

+ Đo bụi bằng máy: .....

+ Đo phóng xạ bằng máy: .....

+ Đo điện từ trường bằng .....

+ Đo hơi khí độc bằng: .....

**Thực hiện quan trắc các yếu tố có hại** đã được người sử dụng lao động ghi trong Hồ sơ vệ sinh lao động bao gồm:

.....

.....

Qua rà soát quy trình công nghệ, nguyên vật liệu và các chất được sử dụng trong quá trình sản xuất, cung cấp dịch vụ, đề nghị bổ sung việc quan trắc các yếu tố có hại sau (các yếu tố có hại này đề nghị bổ sung vào Hồ sơ vệ sinh lao động):

.....

.....

Lý do đề xuất:

---

<sup>46</sup> Mẫu 03 được bãi bỏ theo quy định tại khoản 27 Điều 1 của Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2018



**1. Bụi có chứa silic**

Giới hạn cho phép						
TT	Vị trí lao động	Hàm lượng silic tự do	Nồng độ bụi toàn phần		Nồng độ bụi hô hấp	
			Lấy theo ca	Lấy theo thời điểm	Lấy theo ca	Lấy theo thời điểm

Tổng hợp kết quả quan trắc: Tổng số mẫu bụi: \_\_\_\_\_

Tổng số mẫu vượt giới hạn cho phép: \_\_\_\_\_

**2. Bụi khác (ghi giá trị thực của mẫu đo được)**

Giới hạn cho phép						
TT	Vị trí lao động	Hàm lượng bụi	Nồng độ bụi toàn phần		Nồng độ bụi hô hấp	
			Lấy theo ca	Lấy theo thời điểm	Lấy theo ca	Lấy theo thời điểm

Tổng hợp kết quả quan trắc: Tổng số mẫu bụi: \_\_\_\_\_

Tổng số mẫu vượt giới hạn cho phép: \_\_\_\_\_

**IV. HƠI KHÍ ĐỘC (ghi giá trị thực của mẫu quan trắc được)**

Tên hóa chất							
Giới hạn cho phép							
Số TT	Vị trí quan trắc	Số mẫu đạt	Số mẫu không đạt	Số mẫu đạt	Số mẫu không đạt	Số mẫu đạt	Số mẫu không đạt
Tổng số							

**V. YẾU TỐ PHÓNG XẠ, ĐIỆN TỪ TRƯỜNG**

Giới hạn cho phép					
TT	Vị trí lao động	Yếu tố phóng xạ		Yếu tố từ trường	
		Số mẫu đạt	Số mẫu không đạt	Số mẫu đạt	Số mẫu không đạt
Tổng số					

**VI. ĐÁNH GIÁ YẾU TỐ TIẾP XÚC NGHỀ NGHIỆP**

TT	Vị trí làm việc	Mô tả nội dung công việc	Số lượng người tiếp xúc	Yếu tố tiếp xúc	Bệnh nghề nghiệp có thể phát sinh

-			
-			
...			
14	Các yếu tố khác		
-			
-			
...			
	Tổng cộng		

### KHUYẾN NGHỊ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC

**1. Giải pháp về biện pháp kỹ thuật**

- \_\_\_\_\_  
- \_\_\_\_\_  
- \_\_\_\_\_  
- \_\_\_\_\_

**2. Giải pháp về biện pháp tổ chức lao động**

- \_\_\_\_\_  
- \_\_\_\_\_  
- \_\_\_\_\_  
- \_\_\_\_\_

**3. Giải pháp về giám sát y tế và sức khỏe**

- \_\_\_\_\_  
- \_\_\_\_\_  
- \_\_\_\_\_  
- \_\_\_\_\_

**4. Các giải pháp về phương tiện bảo hộ lao động cá nhân**

- \_\_\_\_\_  
- \_\_\_\_\_  
- \_\_\_\_\_  
- \_\_\_\_\_

**5. Các giải pháp khác**

- \_\_\_\_\_  
- \_\_\_\_\_  
- \_\_\_\_\_  
- \_\_\_\_\_

Tại các vị trí quan trắc các yếu tố có hại không đạt giới hạn cho phép (đã được nêu ở trên) đề nghị đơn vị có trách nhiệm xem xét các khuyến nghị để cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động và giải quyết các chế độ theo quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động.

**Người chịu trách nhiệm chuyên môn**  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Lãnh đạo tổ chức quan trắc MTLĐ**  
*(Ký tên và đóng dấu)*

		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Hệ thống chính sách, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động</b>	<b>8</b>	<b>8</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Tổng quan về hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.	6	6		
2	Hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động.	1	1		
3	Các quy định cụ thể của các cơ quan quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động khi xây dựng mới, mở rộng hoặc cải tạo các công trình, các cơ sở để sản xuất, sử dụng, bảo quản, lưu giữ và kiểm định các loại máy, thiết bị, vật tư, các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động.	1	1		
<b>II</b>	<b>Nghiệp vụ công tác an toàn, vệ sinh lao động</b>	<b>28</b>	<b>23</b>	<b>4</b>	<b>1</b>
1	Tổ chức bộ máy, quản lý và thực hiện các quy định về an toàn, vệ sinh lao động ở cơ sở; phân định trách nhiệm và giao quyền hạn về công tác an toàn, vệ sinh lao động.	1	1		
2	Kiến thức cơ bản về các yếu tố nguy hiểm, có hại, biện pháp phòng ngừa.	4	4		
3	Phương pháp cải thiện điều kiện lao động.	1	1		
4	Văn hóa an toàn trong sản xuất, kinh doanh.	1	1		
5	Nghiệp vụ công tác tự kiểm tra; công tác Điều tra, thống kê, báo cáo tai nạn lao động.	2	2	0	
6	Phân tích, đánh giá rủi ro và xây dựng kế hoạch ứng cứu khẩn cấp; xây dựng hệ thống quản lý về an toàn, vệ sinh lao động.	8	4	3	1
7	Xây dựng nội quy, quy chế, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động; phòng, chống cháy nổ trong cơ sở lao động; xây dựng, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hàng năm; công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật, thống kê, báo cáo công tác an toàn, vệ sinh lao động.	4	4		
8	Công tác kiểm định, huấn luyện và quan	4	4		

	động, người lao động; chính sách, chế độ về an toàn, vệ sinh lao động đối với người lao động; chức năng, nhiệm vụ của mạng lưới an toàn, vệ sinh viên.				
5	Nội quy an toàn, vệ sinh lao động, biển báo, biển chỉ dẫn an toàn, vệ sinh lao động và sử dụng các thiết bị an toàn, phương tiện bảo vệ cá nhân; nghiệp vụ, kỹ năng sơ cứu tai nạn lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp.	1	1		
<b>III</b>	<b>Nội dung huấn luyện chuyên ngành</b>	<b>6</b>	<b>4</b>	<b>2</b>	
	Kiến thức tổng hợp về các loại máy, thiết bị, các chất phát sinh các yếu tố nguy hiểm, có hại; phân tích, đánh giá, quản lý rủi ro về an toàn, vệ sinh lao động, quy trình làm việc an toàn với máy, thiết bị, các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động.	6	4	2	
<b>IV</b>	<b>Kiểm tra kết thúc khóa huấn luyện</b>	<b>2</b>	<b>2</b>		
<b>Tổng cộng</b>		<b>24</b>	<b>22</b>	<b>2</b>	

#### 4. Chương trình khung huấn luyện nhóm 4

STT	NỘI DUNG HUẤN LUYỆN	Thời gian huấn luyện (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Kiến thức cơ bản về an toàn, vệ sinh lao động</b>	<b>8</b>	<b>8</b>		
1	Kiến thức cơ bản về các yếu tố nguy hiểm, có hại tại nơi làm việc.	4	4		
2	Phương pháp cải thiện điều kiện lao động.	1	1		
3	Văn hóa an toàn trong sản xuất, kinh doanh.	1	1		
4	Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động, người lao động; chính sách, chế độ về an toàn, vệ sinh lao động đối với người lao động; chức năng, nhiệm vụ của mạng lưới an toàn, vệ sinh viên.	1	1		
5	Nội quy an toàn, vệ sinh lao động, biển báo, biển chỉ dẫn an toàn, vệ sinh lao động và sử dụng các thiết bị an toàn, phương tiện bảo vệ cá nhân; nghiệp vụ, kỹ năng sơ cứu tai nạn lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp.	1	1		

3	Phương pháp cải thiện điều kiện lao động.	1	1	0	
4	Văn hóa an toàn trong sản xuất, kinh doanh.	1	1	0	
<b>III</b>	<b>Kiểm tra kết thúc khóa huấn luyện</b>	<b>1</b>			<b>1</b>

**6. Chương trình khung huấn luyện nhóm 6**

STT	NỘI DUNG HUẤN LUYỆN	Thời gian huấn luyện (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
<b>I</b>	Kỹ năng và phương pháp hoạt động của an toàn, vệ sinh viên	3	3		
<b>II</b>	Kiểm tra kết thúc khóa huấn luyện	1	1		
<b>Tổng cộng</b>		<b>4</b>	<b>4</b>		

**BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

Số: **631** /VBHN-BLĐTBXH

**Nơi nhận:**

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để đưa lên trang điện tử của Chính phủ);
- Công báo (để đăng tải);
- Cổng thông tin điện tử Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (để đăng tải);
- Trung tâm thông tin của Bộ LĐTBXH (để đăng tải);
- Lưu: VT, PC, ATLĐ.

**XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

Hà Nội, ngày **19** tháng **2** năm 2019

**KT. BỘ TRƯỞNG**

**THỨ TRƯỞNG**



**Lê Tấn Dũng**